

Hội nhập Kinh tế quốc tế

THÁNG 6/2026





M U C L U C

CÁC SỰ KIỆN HỘI NHẬP NỔI BẬT THÁNG 6/2026	1
<i>PHẦN I · TIN VIỆT NAM.....</i>	1
Bức tranh xuất nhập khẩu và đầu tư của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2026	1
Hàng xuất khẩu Việt Nam trước loạt khung pháp lý mới của EU.....	9
Hoa Kỳ đề xuất áp thuế theo Mục 301 liên quan đến lao động cưỡng bức.....	11
Khung pháp lý đầu tiên về Halal chính thức có hiệu lực tại Việt Nam.....	13
Nghị quyết số 10-NQ/TW : Định hình giai đoạn mới trong thu hút FDI.....	14
Chính phủ ban hành cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng FTA.....	15
Tổng hợp diễn tiến Phòng vệ thương mại trong 6 tháng đầu năm 2026	16
<i>PHẦN II · TIN QUỐC TẾ</i>	21
Hoa Kỳ ban hành Sắc lệnh hành pháp "Tăng cường thực thi hải quan"	21
Hội nghị Cấp cao kỷ niệm 35 năm quan hệ ASEAN - Nga: Định hướng hợp tác kinh tế giai đoạn mới.....	22
CÁC SỰ KIỆN HỘI NHẬP NỔI BẬT DỰ KIẾN TRONG THÁNG 7/2026 .	23
Việt Nam và EFTA kết thúc đàm phán FTA sau gần 14 năm.....	23
Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản Việt Nam chính thức vận hành.....	25
Thỏa thuận thuế quan EU - Hoa Kỳ chính thức có hiệu lực.....	26



CÁC SỰ KIỆN HỘI NHẬP NỘI BẬT THÁNG 6/2026

PHẦN I · TIN VIỆT NAM

1

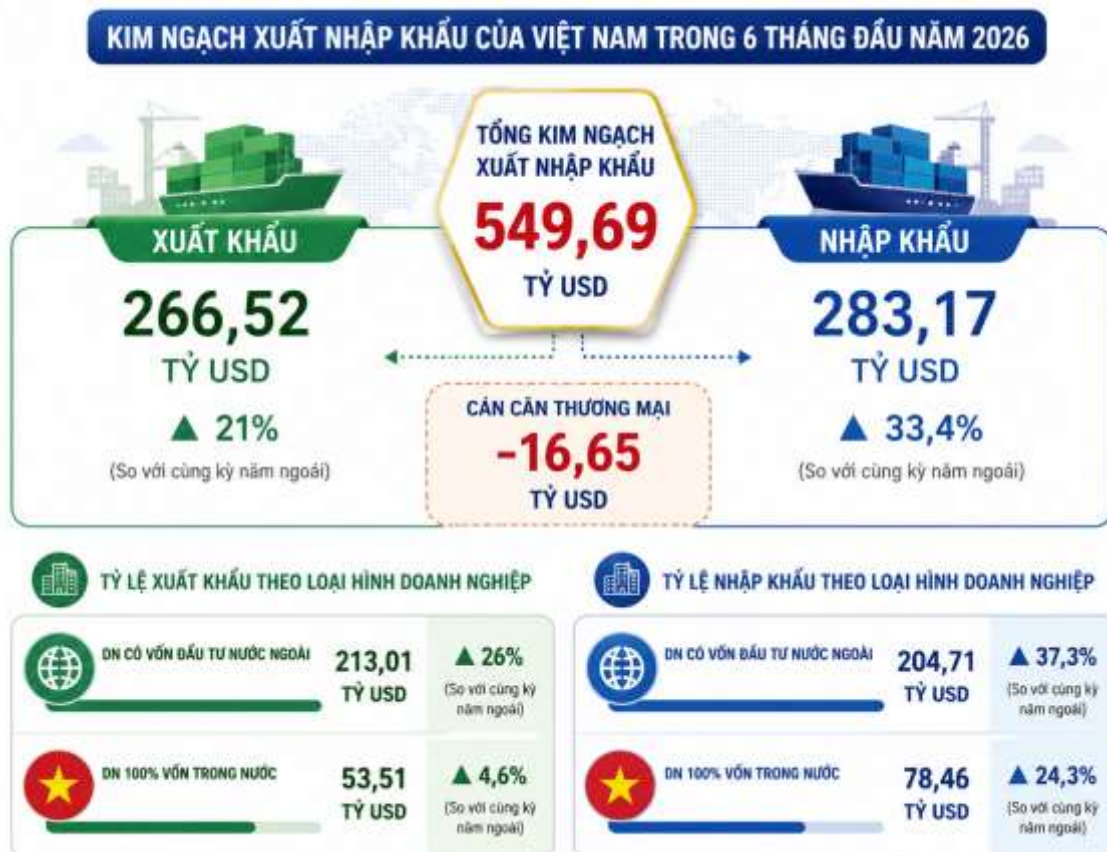
Bức tranh xuất nhập khẩu và đầu tư của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2026

Về bức tranh xuất nhập khẩu Việt Nam

• Tình hình xuất nhập khẩu chung

Theo Cục Thống kê, Bộ Tài chính, hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2026 ghi nhận sự tăng trưởng ấn tượng khi tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cán mốc kỷ lục 549,69 tỷ USD, tăng tới 27,1% so với cùng kỳ năm trước. Sự tăng trưởng này mặc dù diễn ra ở cả hai chiều thương mại, nhưng nhập khẩu đang tăng nhanh hơn xuất khẩu, với kim ngạch xuất khẩu đạt 266,52 tỷ USD, tăng 21,0%, trong khi kim ngạch nhập khẩu tăng mạnh tới 33,4% so với cùng kỳ năm trước, đạt mức 283,17 tỷ USD.

Mức tăng cao của kim ngạch nhập khẩu so với xuất khẩu đã khiến cán cân thương mại của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2026 chuyển sang trạng thái nhập siêu 16,65 tỷ USD, trái ngược với mức xuất siêu 7,95 tỷ USD của cùng kỳ năm trước. Một mặt, diễn biến này phản ánh nhu cầu lớn về đầu vào phục vụ sản xuất trong nước gia tăng, khi nguyên nhiên vật liệu và máy móc thiết bị chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu nhập khẩu. Mặt khác cũng có thể là dấu hiệu cho thấy rủi ro nhập siêu có thể quay trở lại sau nhiều năm xuất siêu liên tục, từ đó đặt ra yêu cầu cấp bách với các cơ quan quản lý trong theo dõi sát diễn biến cán cân thương mại các quý tới.



Nguồn: Cục Thống kê, Bộ Tài chính



Số liệu thống kê cho thấy sự phụ thuộc ngày càng lớn của xuất khẩu Việt Nam vào khối đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu của khối doanh nghiệp FDI 6 tháng đầu năm đạt 213,01 tỷ USD, tăng 26% so với cùng kỳ năm trước và đóng góp tới 79,9% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước (tăng 6,4 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2025). Khối này cũng đóng vai trò nguồn thặng dư duy nhất với mức xuất siêu 8,30 tỷ USD. Ở chiều ngược lại, khối doanh nghiệp nội địa chỉ đạt kim ngạch xuất khẩu 53,51 tỷ USD, tăng 4,6%; còn nhập khẩu tăng 24,3%, đạt 78,46 tỷ USD, dẫn tới mức nhập siêu 24,95 tỷ USD. Sự chênh lệch này cho thấy mức độ tham gia của doanh nghiệp trong nước vào chuỗi giá trị xuất khẩu toàn cầu còn hạn chế và hoạt động sản xuất của khối này vẫn phụ thuộc đáng kể vào nguyên liệu nhập khẩu.

- **Tình hình xuất nhập khẩu theo mặt hàng**

Về xuất khẩu, cơ cấu mặt hàng xuất khẩu nửa đầu năm 2026 không có biến động lớn so với những năm trước. Nhóm hàng công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục giữ vai trò xương sống của nền kinh tế khi đạt giá trị 239,8 tỷ USD, chiếm tới 90% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước. Nhóm hàng nông, lâm sản đạt giá trị 19,23 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 7,2%; tiếp theo là nhóm hàng thủy sản đạt 5,76 tỷ USD, chiếm 2,2%; và nhóm nhiên liệu, khoáng sản chiếm tỷ trọng 0,6%, tương đương 1,73 tỷ USD.

**TỔP 10 SẢN PHẨM XUẤT KHẨU CHỦ YẾU CỦA VIỆT NAM
TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026**

STT	Sản phẩm	Kim ngạch (tỷ USD)	Tăng/giảm so với cùng kỳ năm ngoái
1	 Điện tử, máy tính và linh kiện	71,16	▲ 49,1%
2	 Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	33,24	▲ 23,6%
3	 Điện thoại các loại và linh kiện	31,7	▲ 17,8%
4	 Hàng dệt, may	18,86	▲ 0,9%
5	 Giày dép	11,95	▲ 0,5%
6	 Phương tiện vận tải và phụ tùng	9,76	▲ 18,2%
7	 Gỗ và sản phẩm gỗ	8,58	▲ 4,9%
8	 Thủy sản	5,76	▲ 12,7%
9	 Cà phê	4,81	▼ -13,8%
10	 Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận của chúng	4,36	▲ 31,6%

Nguồn: Cục Thống kê, Bộ Tài chính



Xét theo từng mặt hàng, nhóm hàng điện tử, máy tính và linh kiện vững vàng ở vị thế dẫn đầu với kim ngạch đạt 71,16 tỷ USD, ghi nhận mức tăng trưởng vượt bậc 49,1% so với cùng kỳ năm trước. Sự gia tăng mạnh mẽ này tiếp nối thành công của năm 2025 khi đây là nhóm mặt hàng đầu tiên của Việt Nam vượt mốc kim ngạch 100 tỷ USD trong một năm. Các nhóm ngành máy móc thiết bị (đạt 33,24 tỷ USD, tăng 23,6%) và điện thoại (đạt 31,70 tỷ USD, tăng 17,8%) tiếp tục là những trụ cột xuất khẩu quan trọng.

Một số nhóm hàng khác cũng ghi nhận mức tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu đáng chú ý, như phương tiện vận tải và phụ tùng tăng 18,2% (đạt 9,76 tỷ USD), thủy sản tăng 12,7% (đạt 5,76%)...Đáng chú ý, nhóm hàng đồ chơi và dụng cụ thể thao ghi nhận mức tăng ấn tượng 31,6%, đạt 4,36 tỷ USD.

Ngược lại, một số ngành thâm dụng lao động truyền thống đang có dấu hiệu chững lại, cụ thể là dệt may chỉ tăng nhẹ 0,9% (đạt 18,86 tỷ USD) và giày dép tăng 0,5% (đạt 11,95 tỷ USD).

Cà phê là nhóm hàng duy nhất trong top 10 sản phẩm xuất khẩu lớn nhất chứng kiến sự sụt giảm kim ngạch, với mức giảm 13,8%, chỉ đạt 4,81 tỷ USD. Nguyên nhân chủ yếu được xác định là do những biến động về sản lượng thu hoạch nội địa dưới tác động của thời tiết bất lợi.

Về nhập khẩu, mức tăng mạnh của tổng kim ngạch trong 6 tháng đầu năm tập trung chủ yếu ở nhóm hàng tư liệu sản xuất. Cụ thể, kim ngạch nhập khẩu các nhóm hàng này đạt 266,4 tỷ USD, chiếm 94,1% tổng kim ngạch nhập khẩu; trong đó riêng máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng chiếm 56% và nguyên, nhiên, vật liệu chiếm 38,1% tổng kim ngạch nhập khẩu. Trong khi đó nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng đạt 16,77 tỷ USD, chỉ chiếm 5,9% tổng nhập khẩu.



STT	Sản phẩm	Kim ngạch (tỷ USD)	Tăng/giảm so với cùng kỳ năm ngoái
1	 Điện tử, máy tính và linh kiện	110,07	▲ 62%
2	 Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	34,36	▲ 22,9%
3	 Vải	7,67	▲ 1,7%
4	 Kim loại thường khác	7,28	▲ 34%
5	 Chất dẻo	6,83	▲ 9,3%
6	 Ô tô	6,68	▲ 37,3%
7	 Sản phẩm chất dẻo	5,87	▲ 18,5%
8	 Xăng dầu	5,86	▲ 73,5%
9	 Sắt thép	5,61	▲ 4,6%
10	 Hóa chất	5,08	▲ 29,3%

Nguồn: Cục Thống kê, Bộ Tài chính



Nhập khẩu điện tử, máy tính và linh kiện đạt con số kỷ lục 110,07 tỷ USD, tăng tới 62% so với cùng kỳ năm trước. Đáng chú ý, giá trị nhập khẩu nhóm hàng này vượt xa giá trị xuất khẩu của chính nó (71,16 tỷ USD).

Các mặt hàng đầu vào thiết yếu khác cũng ghi nhận mức tăng đáng kể. Máy móc thiết bị đạt 34,36 tỷ USD (tăng 22,9%), kim loại thường đạt 7,28 tỷ USD (tăng 34,0%), ô tô đạt 6,68 tỷ USD (tăng 37,3%). Riêng kim ngạch nhập khẩu xăng dầu tăng vọt tới 73,5%, đạt 5,86 tỷ USD, phản ánh sự biến động mạnh của giá năng lượng thế giới khi chiến sự ở Iran nổ ra và diễn biến phức tạp từ đầu tháng 3, kết hợp với nhu cầu vận tải và phát điện trong nước tăng cao, nhất là trong nửa đầu mùa hè.

- *Tình hình xuất nhập khẩu theo thị trường*

Trong nửa đầu năm 2026, trao đổi thương mại giữa Việt Nam và 06 đối tác lớn nhất là Trung Quốc, Hoa Kỳ, ASEAN, Hàn Quốc, EU và Nhật Bản đều ghi nhận những kết quả tích cực.

Về xuất khẩu, Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 86,50 tỷ USD, tăng 22% so với cùng kỳ năm trước. Với kim ngạch nhập khẩu từ Hoa Kỳ chỉ đạt 11,20 tỷ USD, cán cân thương mại của Việt Nam với Hoa Kỳ tiếp tục duy trì trạng thái thặng dư với giá trị xuất siêu đạt gần 75,30 tỷ USD (cùng kỳ 2025 là 62 tỷ USD). Mức thặng dư lớn và liên tục tăng là vấn đề cần được theo dõi và có giải pháp cải thiện hiệu quả, trong bối cảnh đây có thể là một trong những lý do thúc đẩy Hoa Kỳ tăng cường kiểm soát nguồn gốc hàng hóa nhập khẩu và tiến hành các cuộc điều tra theo Mục 301 đối với Việt Nam.

Sau Hoa Kỳ, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của Việt Nam với kim ngạch xuất khẩu trong 6 tháng đầu năm 2026 đạt 37,9 tỷ USD, tăng 30,2% so với cùng kỳ năm 2025. Các thị trường khác gồm ASEAN, EU, Nhật Bản cũng ghi nhận các mức tăng trưởng khả quan, lần lượt đạt 18,8%, 16,3% và 15,4%,

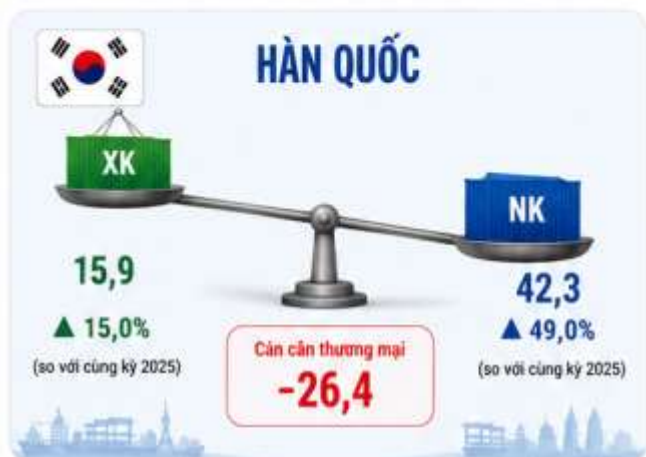
Về nhập khẩu, Trung Quốc tiếp tục khẳng định vị thế là đối tác cung cấp hàng hóa lớn nhất của Việt Nam khi kim ngạch nhập khẩu trong nửa đầu năm 2026 đạt tới 115,20 tỷ USD, tăng 36% so với cùng kỳ năm ngoái. Với kim ngạch xuất khẩu đạt 37,90 tỷ USD, Việt Nam nhập siêu 77,30 tỷ USD từ thị trường này chỉ trong vòng hai quý đầu năm. Xu hướng nhập siêu từ Trung Quốc không những tiếp diễn mà còn mở rộng về mặt quy mô, phản ánh mức độ phụ thuộc ngày càng lớn của các chuỗi sản xuất trong nước vào nguồn cung bán thành phẩm và nguyên vật liệu từ thị trường này.

Sau Trung Quốc, mối quan hệ thương mại với Hàn Quốc cũng ghi nhận xu hướng gia tăng thâm hụt đáng kể khi nhập khẩu từ quốc gia này tăng tới 49% (đạt 42,30 tỷ USD) trong nửa đầu năm 2026. Trao đổi thương mại với ASEAN cũng thâm hụt 10,10 tỷ USD. Trong khi đó, Việt Nam tiếp tục duy trì xuất siêu 21,90 tỷ USD với EU và xuất siêu 1,20 tỷ USD với Nhật Bản.



KIM NGẠCH XUẤT NHẬP KHẨU VỚI MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM CỦA VIỆT NAM TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Đơn vị: tỷ USD



XK

Xuất khẩu sang đối tác

NK

Nhập khẩu từ đối tác



Cán cân thương mại

Nguồn: Cục Thống kê, Bộ Tài chính



Về bức tranh thu hút đầu tư nước ngoài

• Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài chung

Hoạt động thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2026 chứng kiến sự bứt phá ngoạn mục, tạo nên một bức tranh hoàn toàn tương phản so với cùng kỳ 2025. Theo số liệu của Cục Thống kê, tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đăng ký vào Việt Nam nửa đầu năm (bao gồm vốn đăng ký mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn mua cổ phần) đạt 34,65 tỷ USD, tăng tới 61% so với cùng kỳ năm trước, cho thấy nhiều nhà đầu tư nước ngoài đang đặt niềm tin vào Việt Nam trong làn sóng tái cấu trúc chuỗi giá trị toàn cầu.

Về số dự án cấp mới, cả nước ghi nhận 2.013 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 17,39 tỷ USD. Mặc dù số lượng dự án chỉ tăng nhẹ 1,3% so với cùng kỳ năm trước, tổng giá trị vốn đăng ký cấp mới lại tăng tới 87,2%, phản ánh sự xuất hiện của nhiều dự án quy mô lớn hơn thời gian trước. Bên cạnh đó, dòng vốn điều chỉnh tăng thêm đạt 11,04 tỷ USD (tăng 23,5%) từ 541 lượt dự án hiện hữu, phản ánh xu hướng mở rộng đầu tư của các dự án đang hoạt động. Hoạt động góp vốn mua cổ phần đạt 6,22 tỷ USD, tăng 89,5% cho thấy xu hướng mua bán và sáp nhập (M&A) tiếp tục là kênh tiếp cận thị trường được nhà đầu tư nước ngoài quan tâm.

Điểm sáng đáng chú ý nhất của bức tranh FDI chính là giá trị giải ngân thực tế đạt mức kỷ lục 13,03 tỷ USD, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm trước và xác lập mức giải ngân 6 tháng cao nhất trong vòng 5 năm qua. Chỉ dấu lạc quan này cho thấy tiến độ triển khai các dự án FDI tiếp tục được duy trì ổn định ở Việt Nam dù bối cảnh thế giới chứng kiến nhiều biến động.

TÌNH HÌNH THU HÚT ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CỦA VIỆT NAM TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Đơn vị: tỷ USD)



Nguồn: Cục Thống kê, Bộ Tài chính



- *Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài theo địa phương*

Việc sắp xếp lại địa giới hành chính từ ngày 1/7/2025 cùng các chính sách phát triển hạ tầng đã tái cấu trúc đáng kể bản đồ thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giữa các địa phương.

Theo số liệu của Cục Thống kê, Thái Nguyên vươn lên dẫn đầu cả nước với tổng vốn đăng ký cấp mới đạt 5,798 tỷ USD cho 20 dự án mới, trong đó bao gồm 02 dự án lớn của Tập đoàn Samsung (Hàn Quốc) về bán dẫn (4 tỷ USD) và bảng mạch điện tử (1,28 tỷ USD) cho thấy sức hút của Thái Nguyên đối với các nguồn FDI lĩnh vực công nghệ cao.

Nghệ An đứng vị trí thứ hai với 2,283 tỷ USD cho 7 dự án cấp mới, với tiêu biểu là Dự án Nhà máy Nhiệt điện LNG Quỳnh Lập với tổng vốn đầu tư gần 2,2 tỷ USD do liên danh bao gồm Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, Công ty TNHH Mía đường Nghệ An và SK Innovation Co., Ltd (Hàn Quốc) triển khai. TP. Hải Phòng đứng thứ ba với 1,756 tỷ USD cho 95 dự án, tiếp tục là điểm đến hấp dẫn nhờ hệ thống logistics cảng biển hiện đại và các khu công nghiệp hiện hữu.

Trong khi đó, TP. Hồ Chí Minh mặc dù xếp vị trí thứ tư về giá trị vốn đăng ký cấp mới (1,467 tỷ USD) nhưng lại tiếp tục dẫn đầu cả nước về số lượng dự án cấp mới với 1.044 dự án. Quy mô các dự án cấp mới phản ánh khá rõ xu hướng thu hút các doanh nghiệp khởi nghiệp, công nghệ và dịch vụ quy mô vừa và nhỏ của địa phương này.



Nguồn: Cục Thống kê, Bộ Tài chính



- Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài theo nguồn đầu tư*

Trong 6 tháng đầu năm 2026, các nhà đầu tư đến từ khu vực Đông Á tiếp tục giữ vai trò chi phối đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam, song cơ cấu nguồn vốn bắt đầu xuất hiện những nhân tố mới.

Cụ thể, Singapore tiếp tục giữ vững vị thế là nhà đầu tư lớn nhất với tổng vốn đăng ký cấp mới đạt 7,319 tỷ USD cho 245 dự án mới, chiếm tới 42,1% tổng vốn đăng ký cấp mới của cả nước. Hàn Quốc đứng thứ hai với 5,454 tỷ USD cho 211 dự án; Nhật Bản đứng ở vị trí thứ ba với 1,204 tỷ USD cho 138 dự án. Đáng chú ý, Trung Quốc mặc dù đứng ở vị trí thứ tư về tổng giá trị vốn đăng ký (977 triệu USD) nhưng lại dẫn đầu về số lượng dự án cấp mới, lên tới 697 dự án, cho thấy quy mô trung bình các dự án từ Trung Quốc tương đối nhỏ so với tương quan các nước khác. Điều này cho thấy làn sóng dịch chuyển các cơ sở vệ tinh quy mô nhỏ và vừa từ Trung Quốc sang các khu công nghiệp Việt Nam.

Bên cạnh đó, sự hiện diện của các đối tác châu Âu như Hà Lan (420 triệu USD) và Đan Mạch (383 triệu USD) cho thấy tín hiệu đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư ngoài khu vực Đông Á truyền thống.





Từ giữa năm 2026, Liên minh châu Âu (EU) đã đồng loạt đưa vào áp dụng hoặc thúc đẩy nhiều khung pháp lý mới đáng chú ý theo hướng siết chặt điều kiện đối với hàng hóa nhập khẩu, trải rộng từ biện pháp kiểm soát thép đến các tiêu chuẩn xanh về bao bì, thiết kế sinh thái và chống suy thoái rừng.

Đối với sản phẩm thép, ngày 08/6/2026, EU ban hành quyết định áp dụng biện pháp tự vệ mới, có hiệu lực từ ngày 01/7, thay thế biện pháp tự vệ hết hiệu lực từ ngày 30/6/2026 mà Khối này áp dụng trước đó, nhằm bảo vệ thị trường EU trước tình trạng dư thừa công suất toàn cầu. Theo quyết định mới, EU sẽ áp đặt tổng hạn ngạch nhập khẩu thép được miễn thuế nhập khẩu vào EU ở mức 18,3 triệu tấn mỗi năm, và áp mức thuế tự vệ 50% (thay vì mức 25% trước đây) cho lượng thép nhập khẩu ngoài hạn ngạch. Bên cạnh đó, quyết định mới cũng bổ sung tiêu chí "melt and pour" (nấu chảy và đổ khuôn), theo đó xuất xứ của sản phẩm thép được xác định tại nơi thép được nấu chảy và đúc thành hình rắn lần đầu, thay vì chỉ căn cứ vào công đoạn gia công cuối cùng, nhằm hạn chế tình trạng chuyển tải xuất xứ thông qua nước thứ ba. Ngày 30/6, Ủy ban châu Âu đã công bố mức hạn ngạch được phân bổ cụ thể cho từng đối tác nhập khẩu của EU, trong đó phân nửa là dành cho các đối tác đã có thỏa thuận thương mại tự do với EU. Quy định mới có thể tác động khác nhau tới các doanh nghiệp Việt Nam tùy thuộc mức độ chủ động về nguồn nguyên liệu và chuỗi sản xuất. Nhóm nhập phôi hoặc thép cuộn cán

nóng (HRC) về cán lại sẽ bất lợi do nguyên liệu bị quy về xuất xứ nước nấu chảy ban đầu, trong khi nhóm sản xuất khép kín từ thượng nguồn được hưởng lợi.

Bên cạnh đó, EU cũng đồng loạt triển khai các quy định mới về kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững mà dự kiến sẽ có tác động mạnh tới một loạt các sản phẩm xuất khẩu trọng điểm của Việt Nam như dệt may, da giày, hàng điện tử, cà phê, gỗ.... Cụ thể, từ ngày 19/7/2026, Quy định Thiết kế sinh thái cho sản phẩm bền vững (ESPR) bắt đầu áp dụng một số nghĩa vụ quan trọng đối với doanh nghiệp lớn, trong đó có quy định cấm tiêu hủy hàng may mặc và giày dép tồn kho chưa bán. Tiếp đó, từ ngày 12/8/2026, phần lớn quy định của Quy định về Bao bì và Rác thải bao bì (PPWR) chính thức có hiệu lực, yêu cầu doanh nghiệp giảm sử dụng nhựa, tăng tỷ lệ vật liệu tái chế, tối ưu hóa thiết kế bao bì và kiểm soát chặt các chất có nguy cơ cao như PFAS trong bao bì tiếp xúc thực phẩm. Xa hơn nữa là Chỉ thị (EU) 2024/825 về chống "tẩy xanh" (greenwashing) áp dụng từ ngày 27/9/2026 và Quy định về Chống phá rừng (EUDR) dự kiến áp dụng từ cuối năm 2026.

Doanh nghiệp có thể tìm hiểu các Quy định xanh của EU trên Cổng thông tin WTO-FTA của VCCI, theo link sau:

<https://trungtamwto.vn/xuat-khau-xanh/526-xuat-khau-xanh-voi-eu/1>



Các quy định mới sẽ tác động trực tiếp tới nhiều ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Một mặt, chi phí chuyển đổi sang vật liệu đáp ứng tiêu chuẩn xanh, xây dựng hệ thống dữ liệu phát thải và đáp ứng các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc... dự kiến sẽ gia tăng. Mặt khác, các hoạt động rà soát toàn bộ chuỗi cung ứng, kiểm soát vật liệu đầu vào, hoàn thiện hệ thống dữ liệu về phát thải và xuất xứ, điều chỉnh thiết kế sản phẩm và bao bì theo hướng đáp ứng các tiêu chuẩn về kinh tế tuần hoàn cũng là thách thức rất lớn cả về kỹ thuật, công nghệ và năng lực quản trị của doanh nghiệp.

Trong bối cảnh hiện tại, minh bạch về xuất xứ, dữ liệu phát thải, vật liệu đầu vào và khả năng tái chế đang dần trở thành những điều kiện cơ bản để hàng hóa được lưu thông tại thị trường EU. Trong ngắn hạn, doanh nghiệp cần rà soát danh mục hàng xuất khẩu sang EU theo từng mốc hiệu lực nêu trên. Về dài hạn, việc đầu tư cho năng lực truy xuất nguồn gốc và quản lý dữ liệu phát thải nên được nhìn nhận là một phần trong chiến lược cạnh tranh tại thị trường EU, thay vì chỉ là giải pháp ứng phó với từng quy định riêng lẻ.





Ngày 02/6/2026, Cơ quan Đại diện Thương mại Hoa Kỳ (USTR) công bố kết luận sơ bộ và đề xuất biện pháp xử lý đối với 60 nền kinh tế nằm trong diện điều tra theo Mục 301 Đạo luật Thương mại 1974. Đây là kết quả ban đầu của cuộc điều tra mà USTR đã khởi xướng ngày 12/3/2026 đối với các nước mà Hoa Kỳ cáo buộc là chưa ban hành hoặc chưa thực thi hiệu quả lệnh cấm nhập khẩu hàng hóa sản xuất bằng lao động cưỡng bức, trong đó có Việt Nam.

Trong kết luận sơ bộ nói trên, USTR phân 60 nền kinh tế bị điều tra thành hai nhóm. Nhóm thứ nhất gồm 54 nền kinh tế, trong đó có Việt Nam, bị Cơ quan này kết luận là không có biện pháp cấm nhập khẩu hàng hóa sản xuất bởi lao động cưỡng bức từ nước ngoài. Sáu nền kinh tế còn lại (bao gồm Canada, Ecuador, Liên minh châu Âu, Indonesia, Mexico và Pakistan) được xếp ở Nhóm thứ hai, được USTR xác định là đã có biện pháp cấm nhập khẩu hàng hóa này nhưng không thực thi hiệu quả.

Trên cơ sở kết luận sơ bộ nói trên, USTR đề xuất biện pháp trừng phạt là áp thuế bổ sung đối với toàn bộ sản phẩm của các nền kinh tế bị điều tra, ngoại trừ một số mặt hàng được liệt kê. Cụ thể, USTR đề xuất áp dụng mức thuế bổ sung 10% cho hàng hóa từ 14 đối tác (bao gồm các đối tác thuộc Nhóm thứ hai hoặc thuộc Nhóm thứ nhất nhưng có Thỏa thuận về thương mại có đi có lại với Hoa Kỳ, hoặc đã áp dụng cơ chế bán phần) và mức 12,5% cho 46 đối tác còn lại trong danh sách các đối tác bị điều tra.

Việt Nam nằm trong nhóm 46 nền kinh tế bị đề xuất mức 12,5%.

Ngoài ra, USTR cũng đề xuất triển khai một cơ chế đặc biệt cho hàng dệt may, theo đó một lượng hạn ngạch quần áo và hàng dệt may nhất định sẽ được hưởng mức thuế Mục 301 ưu đãi dựa trên tỷ lệ khối lượng bông thô và đầu vào sợi dệt nhập khẩu ngược lại từ Hoa Kỳ.

Theo quy định, thời gian tới đây USTR sẽ tiến hành lấy ý kiến bình luận từ các bên liên quan với báo cáo kết luận và các đề xuất sơ bộ nói trên để xem xét, ra kết luận cuối cùng và đề xuất chính thức lên Tổng thống Hoa Kỳ. Theo thông báo của USTR, hạn đăng ký phát biểu kèm tóm tắt nội dung là ngày 22/6/2026, hạn nộp ý kiến bằng văn bản là ngày 06/7/2026, và phiên điều trần bắt đầu từ ngày 07/7/2026, có thể kéo dài sang các ngày tiếp theo.

Cần lưu ý là cùng với cuộc điều tra về lao động cưỡng bức theo Mục 301 nói trên, Việt Nam hiện đang là đối tượng của hai cuộc điều tra theo Mục 301 khác liên quan đến sở hữu trí tuệ và tình trạng dư thừa năng lực sản xuất. Hai cuộc điều tra này mang lại nhiều rủi ro hơn cho Việt Nam do diện bị điều tra rất hẹp (chỉ có mình Việt Nam trong điều tra về sở hữu trí tuệ, và có 13 nước bị điều tra dư thừa năng lực sản xuất). Tác động cộng hưởng từ cả 3 cuộc điều tra này đối với Việt Nam có thể là rất lớn, tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng tới tương quan về mức thuế bổ sung giữa hàng hóa Việt Nam và các đối thủ



cạnh tranh khác ở thị trường Hoa Kỳ (vốn chỉ là đối tượng của một hoặc hai biện pháp thuế bổ sung từ điều tra theo Mục 301). Trong bối cảnh này, các doanh nghiệp cần theo dõi sát sao cả ba cuộc điều tra, vận động tiếng nói ủng hộ của các đối tác nhập khẩu ở Hoa Kỳ, tham gia bình luận, chứng minh khi USTR tham vấn công khai, và quan trọng nhất là xây dựng các kịch bản ứng phó phù hợp, đặc biệt là tính đến các

giải pháp khai thác thị trường ngách, đa dạng hóa thị trường. Với vai trò đại diện cộng đồng doanh nghiệp, VCCI sẽ tiếp tục chủ động theo dõi diễn biến các vụ việc, kịp thời cập nhật thông tin cho doanh nghiệp, thu thập và tổng hợp ý kiến doanh nghiệp về tác động của biện pháp đề xuất, làm cơ sở đóng góp ý kiến trong quá trình USTR tiến hành tham vấn và điều trần với các đại diện từ phía Việt Nam.

Doanh nghiệp có thể tìm hiểu các Chính sách thuế quan mới của Hoa Kỳ trên Cổng thông tin WTO-FTA của VCCI, theo link sau:

https://trungtamwto.vn/chu_de_khac/395-cang-thang-thuong-mai-toan-cau/1





Từ ngày 01/6/2026, Nghị định số 127/2026/NĐ-CP quy định về quản lý chất lượng và chính sách phát triển sản phẩm, dịch vụ Halal, được Chính phủ ban hành ngày 6/4/2026, chính thức có hiệu lực. Đây là văn bản pháp lý đầu tiên điều chỉnh tương đối toàn diện lĩnh vực Halal - các sản phẩm, dịch vụ được phép sử dụng theo luật Hồi giáo - tại Việt Nam. Việc đưa Nghị định vào thực thi diễn ra trong bối cảnh thị trường Halal toàn cầu được dự báo đạt quy mô khoảng 10.000 tỷ USD vào năm 2028, phục vụ hơn 2 tỷ người tiêu dùng Hồi giáo, mở ra dư địa đáng kể để hàng hóa Việt Nam thâm nhập các thị trường Trung Đông, Nam Á và Đông Nam Á.

Nghị định quy định các yêu cầu cơ bản đối với sản phẩm và dịch vụ Halal, từ thành phần, nguyên liệu, ghi nhãn, truy xuất nguồn gốc, thử nghiệm, chứng nhận đến kiểm tra và xử lý vi phạm. Đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật, nguyên liệu phải đáp ứng quy trình giết mổ Halal và bảo đảm không xảy ra nhiễm chéo trong quá trình sản xuất. Đồng thời, các tổ chức, cá nhân sử dụng nhãn Halal phải công bố tiêu chuẩn Halal áp dụng, trong khi các tổ chức chứng nhận phải đáp ứng các điều kiện về nhân sự và năng lực chuyên môn. Bên cạnh các yêu cầu quản lý, Nghị định cũng thiết lập ba nhóm chính sách hỗ trợ đáng chú ý, gồm: thúc đẩy ký kết các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRA) về đánh giá sự phù hợp Halal với các thị trường xuất khẩu; hỗ

trợ một phần chi phí thử nghiệm và chứng nhận đối với một số sản phẩm xuất khẩu; xây dựng Cơ sở dữ liệu Halal quốc gia phục vụ tra cứu thông tin, kết nối thị trường và quảng bá Việt Nam là điểm đến thân thiện với du khách Hồi giáo.



Từ góc độ doanh nghiệp, khung pháp lý thống nhất giúp chuẩn hóa hoạt động chứng nhận Halal trong nước - vốn trước đây chưa có quy định quản lý riêng - qua đó nâng cao độ tin cậy của chứng nhận này tại Việt Nam. Tuy nhiên, cơ hội chỉ có thể được chuyển hóa thành lợi thế cạnh tranh nếu doanh nghiệp chủ động nghiên cứu và điều chỉnh quy trình sản xuất để đáp ứng được các yêu cầu tương đối cao theo tiêu chuẩn Halal. Trong thời gian tới, VCCI và các hiệp hội ngành hàng sẽ tiếp tục phát huy vai trò phổ biến thông tin, xúc tiến thương mại để hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng hiệu quả khung pháp lý mới.



Ngày 08/6/2026, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TW về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), đánh dấu bước chuyển quan trọng trong chủ trương thu hút FDI của Việt Nam. Trên cơ sở nhận diện những hạn chế của mô hình thu hút FDI thời gian qua, Nghị quyết xác định chuyển mạnh từ tư duy chủ yếu thu hút vốn đầu tư nước ngoài sang phát huy hiệu quả dòng vốn để cùng nội lực sẵn có tạo đà phát triển mới. Nghị quyết nhấn mạnh định hướng thu hút đầu tư theo cụm ngành, chuỗi giá trị và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo thay vì theo địa giới hành chính; lấy chất lượng, hiệu quả, chuyển giao công nghệ và mức độ tham gia chuỗi cung ứng làm thước đo chính; tăng cường tính lan tỏa và liên kết giữa khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài với khu vực kinh tế trong nước.

Trong giai đoạn 2026–2030, Nghị quyết đặt chỉ tiêu thu hút khoảng 200–300 tỷ USD vốn đăng ký (40–50 tỷ USD/năm) và 150–200 tỷ USD vốn thực hiện, trong đó 75% đến từ các nền kinh tế phát triển; phấn đấu có ít nhất 3 tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở hoặc trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) tại Việt Nam. Đáng chú ý là sự xuất hiện của nhóm mục tiêu gắn khu vực FDI với doanh nghiệp trong nước khi yêu cầu nâng tỷ lệ nội địa hóa trong các ngành công nghiệp chủ lực lên 45–50% và đưa khoảng 10.000 doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi cung ứng của khu vực FDI, trong đó 500–1.000 nhà cung ứng cấp I.

Điểm đổi mới cốt lõi của Nghị quyết là tăng cường tính lan tỏa và liên kết giữa khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài với khu vực kinh tế trong nước. Theo đó, doanh nghiệp FDI được khuyến khích và yêu cầu cam kết về công nghệ, nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ, đào tạo người Việt Nam, tỷ lệ giá trị gia tăng trong nước, phát triển nhà cung ứng nội địa, chuyển đổi xanh và chuyển đổi số để được hưởng các ưu đãi đầu tư theo kết quả thực hiện; đồng thời công bố nhu cầu mua sắm, tiêu chuẩn kỹ thuật và lộ trình nội địa hóa nhằm tạo điều kiện để doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng. Ở chiều ngược lại, để giữ niềm tin của nhà đầu tư, Nghị quyết khẳng định nguyên tắc bảo đảm môi trường đầu tư ổn định, minh bạch và không hồi tố theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp, trừ các trường hợp vì quốc phòng, an ninh, sức khỏe cộng đồng và môi trường theo quy định của pháp luật.

Đây là cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam để chuyển từ vai trò gia công đơn giản sang tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng của các tập đoàn đa quốc gia. Doanh nghiệp cần chủ động nâng cao năng lực công nghệ, quản trị và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời theo dõi thông tin để tiếp cận sớm các chương trình hỗ trợ nhà cung ứng trong nước. VCCI sẽ tiếp tục phát huy vai trò cầu nối giữa doanh nghiệp trong nước với khu vực FDI thông qua các hoạt động kết nối cung cầu, phổ biến thông tin, tham gia xây dựng, thực thi chính sách nhằm nâng cao hiệu quả lan tỏa của dòng vốn FDI đối với nền kinh tế.



6 Chính phủ ban hành cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng FTA

Ngày 26/6/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 240/2026/NĐ-CP quy định chi tiết cơ chế, chính sách phát huy nguồn lực xây dựng, vận hành Hệ sinh thái tận dụng các Hiệp định thương mại tự do (FTA), có hiệu lực ngay từ ngày ký. Đây là lần đầu tiên chính sách hỗ trợ tận dụng FTA được thiết kế thành một cơ chế tổng thể, gắn với nguồn lực tài chính và kỹ thuật cụ thể, thay vì chỉ dừng ở tuyên truyền và phổ biến thông tin như trước.

Theo Nghị định, "Hệ sinh thái tận dụng các FTA" là cơ chế kết nối doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, hiệp hội ngành hàng, hiệp hội doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhằm cùng khai thác hiệu quả các cam kết FTA mà Việt Nam đã tham gia. Các chủ thể đủ điều kiện tham gia Hệ sinh thái có thể được hưởng 07 nhóm hỗ trợ, bao gồm hỗ trợ thực hiện thủ tục hành chính; hỗ trợ cải tiến, nâng cao năng lực; hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực; hỗ trợ tăng cường liên kết sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ kết nối và mở rộng thị trường; hỗ trợ thử nghiệm, kiểm định, chứng nhận chất lượng; và hỗ trợ lãi suất.

Mức hỗ trợ được quy định cụ thể theo từng lĩnh vực. Ví dụ đối với lĩnh vực nâng cao năng lực, Nhà nước hỗ trợ tối đa 50% giá trị các hợp đồng tư vấn cải tiến quy trình quản trị, sản xuất, công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh, nhưng không quá 200 triệu đồng/năm với doanh nghiệp và 100 triệu đồng/năm với hợp tác xã, hộ kinh doanh. Trong lĩnh vực đào tạo, Nhà nước

hỗ trợ 100% chi phí tham gia các khóa đào tạo trong và ngoài nước, với mức trần theo nội dung. Cụ thể, doanh nghiệp được hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/năm/chủ thể đối với đào tạo về quản trị, quy trình sản xuất - kinh doanh, công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh; tối đa 70 triệu đồng/năm/chủ thể đối với đào tạo chuyên sâu về tận dụng FTA, tiêu chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn phát triển bền vững của thị trường FTA. Về vốn, các chủ thể tham gia Hệ sinh thái được hỗ trợ lãi suất 2%/năm đối với các khoản vay trung và dài hạn phục vụ phương án, dự án thuộc chương trình của Hệ sinh thái, theo cơ chế hỗ trợ sau đầu tư, với mức hỗ trợ không quá 1 tỷ đồng/năm/chủ thể; ngoài hỗ trợ lãi suất, tổng mức hỗ trợ trực tiếp cho mỗi chủ thể không vượt quá 600 triệu đồng/năm.

Có thể thấy các biện pháp hỗ trợ theo Nghị định hướng trực tiếp vào việc xử lý các chi phí tuân thủ của doanh nghiệp - một trong những rào cản lớn nhất khiến tỷ lệ tận dụng ưu đãi FTA của Việt Nam còn thấp. Việc hỗ trợ đồng thời ở tất cả các khía cạnh như nêu trên có thể giúp doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, có điều kiện chủ động đầu tư nâng cao năng lực thay vì chỉ ứng phó khi phát sinh yêu cầu từ thị trường.

Hệ sinh thái tận dụng FTA được kỳ vọng có thể trở thành công cụ hỗ trợ doanh nghiệp chuyển từ "biết đến FTA" sang "tận dụng được FTA", qua đó nâng cao tỷ lệ khai thác ưu đãi thuế quan và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu



**Tổng hợp diễn tiến Phòng vệ thương mại
trong 6 tháng đầu năm 2026**

**Diễn tiến các vụ việc PVTM do Việt Nam tiến hành đối với hàng nhập khẩu
trong 6 tháng đầu năm 2026**

STT	Sản phẩm	Mã vụ việc	Quốc gia/ Vùng lãnh thổ bị kiện	Diễn tiến
1	Vật liệu hàn	AD15	Malaysia, Thái Lan, Trung Quốc	Tiến hành rà soát cuối kỳ biện pháp chống bán phá giá (ER01.AD15 - Quyết định số 1453/QĐ-BCT ngày 19/06/2026)
2	Thép hình chữ H	AD03	Trung Quốc	Tiến hành rà soát cuối kỳ lần 2 biện pháp CBPG (ER02.AD03 - Quyết định số 1454/QĐ-BCT, ngày 19/06/2026)
3	Kính nổi không màu	AD22	Indonesia, Malaysia	Quyết định số 1400/QĐ-BCT ngày 12/6/2026 áp dụng thuế CBPG chính thức, mức thuế - Indonesia: 32,78% - 43,78% - Malaysia: 41,07% - 63,39%.
4	Đường mía	AD13-AS01	Thái Lan	Tiếp tục áp thuế CBPG, CTC sau rà soát cuối kỳ (Quyết định số 1309/QĐ-BCT ngày 02/06/2026), thuế CBPG: 25.73-42.99%; thuế CTC: 0-4.65%
		AC02.AD13-AS01	Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar	Gia hạn biện pháp chống lẫn tránh biện pháp PVTM sau rà soát (Quyết định số 1310/QĐ-BCT ngày 02/06/2026)
5	Thép hình chữ H	AD12	Malaysia	Chấm dứt áp dụng biện pháp CBPG sau rà soát cuối kỳ lần 1 (ER01.AD12 - Quyết định số 915/QĐ-BCT ngày 16/04/2026)
6	Thép cán nóng	AC03.AD20	Trung Quốc	Quyết định số 612/QĐ-BCT ngày 02/04/2026 áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại tạm thời, mức thuế 27,83%
7	Cáp thép dự ứng lực	AD17	Malaysia, Thái Lan, Trung Quốc	Tiến hành rà soát thuế CBPG (AR01.AD17 - Quyết định số 150/QĐ-BCT ngày 21/01/2026)
8	Ván sợi gỗ	AD21	Thái Lan, Trung Quốc	Quyết định số 121/QĐ-BCT ngày 19/01/2026 áp thuế chống bán phá giá chính thức, mức thuế: Thái Lan: 3.09% - 20.20% Trung Quốc: 2,59% - 39,88%



**Các vụ điều tra PVTM mới khởi xướng đối với hàng xuất khẩu Việt Nam
tại thị trường nước ngoài trong 6 tháng đầu năm 2026**

STT	Quốc gia khởi xướng điều tra	Sản phẩm bị điều tra	Loại vụ việc	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời gian
1	Australia	Thép mạ kẽm (<i>Zinc coated / galvanised steel</i>) (mã vụ việc 706)	Chống bán phá giá	Việt Nam , Hàn Quốc	19/06/2026
2	Thổ Nhĩ Kỳ	Vải mảnh polyester dùng cho lốp xe (<i>Nylon cord fabric or rubber-impregnated fabric for tires of vehicles</i>)	Chống bán phá giá	Việt Nam , Trung Quốc	16/06/2026
3	New Zealand	Thanh nhôm định hình (<i>Aluminium Extrusions</i>)	Tự vệ	Toàn cầu	28/05/2026
4	Ukraine	Thép carbon cán phẳng có phủ (<i>Coated carbon steel rolled products</i>)	Chống bán phá giá	Việt Nam , Ấn Độ, Hàn Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ	22/05/2026
5	Hoa Kỳ	Máy nén khí (<i>Air Compressors</i>)	Chống bán phá giá và Chống trợ cấp	Việt Nam , Trung Quốc, Malaysia	21/05/2026
6	Liên minh Kinh tế Á – Âu (EAEU)	Lốp xe ô tô (<i>Motor car pneumatic tyres</i>)	Tự vệ	Toàn cầu	07/05/2026
7	Pakistan	Băng dính tự dính BOPP (<i>Biaxially Oriented Polypropylene (BOPP) Self Adhesive Tapes - Jumbo Rolls</i>)	Chống bán phá giá	Việt Nam	30/04/2026
8	Hoa Kỳ	Hóa chất PTMEG (<i>Polytetramethylene ether glycol</i>)	Chống bán phá giá	Việt Nam , Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan	28/04/2026
9	Canada	Một số sản phẩm Gỗ (<i>Wood Goods</i>)	Tự vệ	Toàn cầu	21/04/2026
10	Mexico	Sản phẩm nhựa PET (<i>PET - Polyethylene Terephthalate</i>)	Chống bán phá giá	Việt Nam , Malaysia	07/04/2026
11	EU	Thép điện định hướng (<i>Grain-oriented electrical steel</i>)	Tự vệ	Toàn cầu	27/03/2026
12	Hoa Kỳ	Bánh xe thép 22,5-24,5 inch (<i>Steel Wheels</i>)	Chống lẫn tránh thuế CBPG, CTC	Việt Nam (từ vụ kiện gốc đối với sản phẩm Trung Quốc)	19/03/2026
13	Philippines	Gạo (<i>Rice</i>)	Tự vệ	Toàn cầu	24/03/2026
14	Canada	Rau củ đông lạnh và đóng hộp (<i>Vegetable Goods</i>)	Tự vệ	Toàn cầu	16/03/2026
15	EU	Ống và ống dẫn bằng đồng dạng cuộn (<i>Copper tubes</i>)	Chống bán phá giá	Việt Nam , Trung Quốc, Mexico, Uzbekistan	12.03.2026



STT	Quốc gia khởi xướng điều tra	Sản phẩm bị điều tra	Loại vụ việc	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời gian
16	Philippines	Gạch ốp lát (<i>Ceramic Tiles</i>)	Tự vệ	Toàn cầu	05/02/2026
17	Australia	Thép kết cấu chế (<i>Fabricated Structural Steel</i>)	Tự vệ	Toàn cầu	23/01/2026

**Diễn tiến các vụ việc PVTM đang điều tra đối với hàng xuất khẩu Việt Nam
trong 6 tháng đầu năm 2026**

STT	Quốc gia điều tra	Sản phẩm bị điều tra	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời gian	Diễn tiến mới
1	Nam Phi	Thép cuộn chống ăn mòn (<i>Corrosion resistant steel</i>)	Toàn cầu	25/06/2026	Kết luận cuối cùng điều tra tự vệ, Việt Nam được loại trừ khỏi danh sách áp dụng
2	Ấn Độ	Bột độn canxi cacbonat (<i>Calcium Carbonate Filler Masterbatch</i>)	Việt Nam	24/06/2026	Tổng vụ Phòng vệ thương mại Ấn Độ (DGTR) ban hành kết luận cuối cùng khẳng định có phá giá và thiệt hại, thuế CTC: 9.11-69.19 USD/MT
3	Australia	Thanh nhôm định hình (<i>Aluminium Extrusions</i>)	Việt Nam, Malaysia	16/06/2026	Tiếp tục áp thuế sau rà soát, Việt Nam: 5.2-9.0%; Malaysia: 0-27%
4	Hoa Kỳ	Hộp carton gợn sóng bằng Polypropylene (<i>Polypropylene corrugated boxes</i>)	Việt Nam	18/05/2026	USDOC ban hành kết luận cuối cùng khẳng định có phá giá, biên độ phá giá: 130.58%
5	Mexico	Dây hàn (<i>Welding wire</i>)	Việt Nam	15/05/2026	Tiến hành rà soát thuế CBPG
6	EU	Nhựa PET (<i>Polyethylene terephthalate</i>)	Việt Nam	08/05/2026	Chấm dứt điều tra CBPG do nguyên đơn rút đơn kiện
7	Hoa Kỳ	Mặt đá thạch anh (<i>Quartz Surface Products</i>)	Toàn cầu	05/05/2026	Kết luận sau điều tra tự vệ: áp dụng hạn ngạch thuế quan trong 4 năm
8	Canada	Thép cốt bê tông (<i>Concrete reinforcing bar</i>)	Việt Nam, Algeria, Ai Cập, Indonesia, Ý, Malaysia, Singapore, Oman, Nga	20/04/2026	Tiến hành rà soát cuối kỳ thuế CBPG



STT	Quốc gia điều tra	Sản phẩm bị điều tra	Quốc gia/ Vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời gian	Diễn tiến mới
9	Ma-Rốc (Morocco)	Thép cán nóng (Hot-rolled sheets)	Toàn cầu	23/04/2026	Gia hạn biện pháp thuế tự vệ, mức thuế 19% trong 3 năm, có hiệu lực từ 19/06/2026
10	Hoa Kỳ	Khung gầm xe (Sơ mi rơ-móc) (Chassis and subassemblies thereof)	Việt Nam, Thái Lan, Mexico	21/04/2026	USDOC ban hành Kết luận cuối cùng khẳng định có phá giá, biên độ phá giá: Việt Nam: 186.84% Mexico: 32.37% Thái Lan: 72.85-129.63%
11	Ai Cập	Phôi thép (semi-finished products of iron or non-alloy steel)	Toàn cầu	02/04/2026	Áp dụng biện pháp tự vệ chính thức
12	Ai Cập	Một số sản phẩm Thép: Thép cuộn cán nguội, Thép phủ màu, Thép phủ mạ, Thép cuộn cán nóng (Cold Rolled Coil - CRC, Galvanized Steel - HDG/GI, Pre-painted Steel -PPGI, Hot Rolled Flat Steel - HRC)	Toàn cầu	02/04/2026	Áp dụng biện pháp tự vệ chính thức
13	Ai Cập	Thép cuộn cán nóng (Hot Rolled Coil)	Toàn cầu	02/04/2026	Áp dụng biện pháp tự vệ chính thức
14	Vương Quốc Anh	Một số sản phẩm thép	Toàn cầu	01/04/2026	Thông báo kết quả rà soát biện pháp tự vệ
15	Nam Phi	Lốp xe ô tô, xe buýt, xe tải (Tyres for cars, buses and trucks)	Việt Nam, Campuchia, Thái Lan	27/03/2026	Chấm dứt điều tra chống lẩn tránh thuế CBPG, không áp thuế
16	Ấn Độ	Sợi nylon (Nylon Filament Yarn)	Việt Nam, Trung Quốc	19/03/2026	DGTR Kết luận cuối cùng khẳng định có phá giá và thiệt hại, mức thuế: Việt Nam: 684-827 USD/MT; Trung Quốc: 236-782 USD/MT
17	Ấn Độ	Sợi Elastomeric Filament (Elastomeric Filament Yarns)	Việt Nam, Trung Quốc	18/03/2026	DGTR Kết luận cuối cùng khẳng định có phá giá và thiệt hại, mức thuế: Việt Nam: 794-1.262 USD/MT; Trung Quốc: 880-2.033 USD/MT



STT	Quốc gia điều tra	Sản phẩm bị điều tra	Quốc gia/ Vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời gian	Diễn tiến mới
18	Hoa Kỳ	Thép cốt bê tông (Concrete reinforcing bar)	Việt Nam, Ai Cập, Bungari	10/03/2026	USDOC ban hành kết luận sơ bộ khẳng định có phá giá, mức thuế tạm thời: Việt Nam: 121,97 - 130,77%; Ai Cập: 34.20-52.73%; Bungari: 52.8%
			Việt Nam, Ai Cập, Algeria	09/01/2026	USDOC ban hành kết luận sơ bộ khẳng định có trợ cấp, biên độ trợ cấp: Việt Nam: 1.08% Ai Cập: 29.51% Algeria: 72.94%
19	Hoa Kỳ	Gỗ dán cứng và gỗ trang trí (Hardwood plywood and decorative plywood)	Việt Nam, Trung Quốc, Indonesia	25/02/2026	USDOC ban hành kết luận sơ bộ khẳng định có phá giá, mức thuế tạm thời Việt Nam: 191,85 - 194,80% Trung Quốc: 185.96% Indonesia: 19.88-84.94%
				22/01/2026	USDOC ban hành kết luận sơ bộ khẳng định có trợ cấp, biên độ trợ cấp: Việt Nam: 4.37-26.75% Indonesia: 2.40-128.66% Trung Quốc: 81.34%
20	Philippines	Giấy bìa carton gợn sóng (Corrugated cardboard)	Toàn cầu	Tháng 01-2026	Chấm dứt điều tra tự vệ, không áp thuế
21	Indonesia	Vải cotton (Cotton Fabric)	Toàn cầu	10/01/2026	Quyết định áp thuế tự vệ chính thức
22	Vương quốc Anh	Thép cây (Rebar)	Việt Nam	05/01/2026	Kết luận rà soát hạn ngạch thuế quan (TRQ) với sản phẩm Việt Nam



PHẦN II · TIN QUỐC TẾ

1 *Hoa Kỳ ban hành Sắc lệnh hành pháp "Tăng cường thực thi hải quan"*

Ngày 03/6/2026, Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump đã ký Sắc lệnh hành pháp số 14411 mang tên "Tăng cường thực thi hải quan" (Strengthening Customs Enforcement), mở đường cho đợt cải cách hải quan toàn diện nhất của Hoa Kỳ trong hơn một thập kỷ trở lại đây.

Sắc lệnh này nêu các định hướng sửa đổi pháp luật về hải quan nhằm vào các quy trình, điều kiện nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Hoa Kỳ, và giao nhiệm vụ cho Bộ An ninh Nội địa (DHS) và Cơ quan Hải quan và Bảo vệ Biên giới (CBP) quy định chi tiết các định hướng này (thông qua việc sửa đổi các quy định, hướng dẫn và thực tiễn thực thi liên quan) trong thời gian tới.

Cụ thể, liên quan tới người đứng tên nhập khẩu (Importer of Record - IOR), Sắc lệnh yêu cầu các IOR phải đáp ứng các yêu cầu chặt chẽ hơn về năng lực tài chính, duy trì tình trạng tuân thủ tốt (good standing) và phải khai báo nhiều thông tin hơn (về khối lượng nhập dự kiến, năm thành lập, chủ sở hữu và chủ sở hữu hưởng lợi, quan hệ liên kết và tài sản trong nước), đồng thời phải cung cấp cả những dữ liệu mà nhà xuất khẩu nước ngoài đã khai với hải quan nước sở tại trước khi xuất hàng sang Hoa Kỳ. Trường hợp IOR là chủ thể nước ngoài, các điều kiện còn nghiêm ngặt hơn khi bị hạn chế sử dụng một số cơ chế khai báo và bảo lãnh hải quan, đồng thời phải được xác thực hoặc sử dụng môi giới đã xác thực trong

Chương trình Đối tác Hải quan - Thương mại chống khủng bố (CTPAT) để tăng cường khả năng xác minh và quản lý rủi ro.

Bên cạnh đó, Sắc lệnh mở rộng quyền thực thi của CBP đối với các hành vi bị coi là có nguy cơ gian lận cao như chuyển tải bất hợp pháp, khai sai mã số hàng hóa, khai thấp trị giá hải quan và sử dụng lao động cưỡng bức. Ngoài ra, Sắc lệnh cũng đề cập tới một loạt các biện pháp siết chặt kiểm soát khác như tăng cường kiểm toán sau thông quan, hạn chế cơ chế ký quỹ (in-bond), siết trách nhiệm của môi giới hải quan và thu hẹp khả năng giảm nhẹ chế tài đối với các trường hợp vi phạm, đặc biệt là tái phạm.

Những thay đổi mới trong chính sách thực thi hải quan của Hoa Kỳ có thể tạo ra tác động đáng kể đối với doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam. Đáng chú ý, Sắc lệnh đặt trọng tâm vào chuyển tải bất hợp pháp và quy tắc xuất xứ - khía cạnh rủi ro cho nhiều nhóm hàng xuất khẩu của Việt Nam trong bối cảnh xuất hiện các cáo buộc về hàng hóa trung chuyển, gian lận xuất xứ. Yêu cầu mới buộc nộp cả dữ liệu mà nhà xuất khẩu đã khai với hải quan nước sở tại cũng là vấn đề rất đáng lưu tâm.



Trước tình hình này, doanh nghiệp Việt Nam cần chủ động đẩy nhanh việc củng cố hồ sơ chứng minh xuất xứ, duy trì tính nhất quán giữa hồ sơ thương mại, logistics và hải quan, đồng thời rà soát phương thức nhập khẩu cùng đối tác Hoa Kỳ, đặc biệt trong trường hợp doanh nghiệp trực tiếp đứng tên trong Tờ khai nhập khẩu. Về dài

hạn, diễn biến này phản ánh xu hướng Hoa Kỳ tăng cường sử dụng công cụ thực thi hải quan để bảo đảm hiệu quả của các biện pháp thương mại, qua đó đặt ra yêu cầu cao hơn đối với năng lực tuân thủ, minh bạch hóa chuỗi cung ứng và quản trị rủi ro của doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam.



2

**Hội nghị Cấp cao kỷ niệm 35 năm quan hệ ASEAN - Nga:
Định hướng hợp tác kinh tế giai đoạn mới**

Từ ngày 17-18/6/2026, tại thành phố Kazan (Liên bang Nga), Hội nghị Cấp cao kỷ niệm 35 năm quan hệ ASEAN - Nga đã diễn ra với sự tham dự của Tổng thống Nga Vladimir Putin, lãnh đạo các nước ASEAN và Tổng Thư ký ASEAN. Đoàn Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng dẫn đầu tham dự. Hội nghị đã thông qua ba văn kiện quan trọng gồm Tuyên bố chung Kazan 2026, Kế hoạch hành động ASEAN - Nga giai đoạn 2026-2030 và Tuyên bố chung về hợp tác năng lượng, qua đó xác định các ưu tiên hợp tác mới về thương mại, đầu tư, logistics, chuyển đổi số, năng lượng và khoa học - công nghệ.

Điểm đáng chú ý là hợp tác kinh tế được đặt ở vị trí trung tâm trong giai đoạn phát triển tiếp theo của quan hệ ASEAN - Nga. Các văn kiện đều nhấn mạnh việc tăng cường kết nối chuỗi cung ứng, phát triển hạ tầng logistics, thúc đẩy thương mại và đầu

tư hai chiều, đồng thời mở rộng hợp tác với Liên minh Kinh tế Á - Âu (EAEU). Trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp đang tìm kiếm các thị trường và tuyến cung ứng thay thế để giảm phụ thuộc vào một số thị trường truyền thống, các định hướng này có thể tạo thêm dư địa thúc đẩy kết nối giữa ASEAN với khu vực Á - Âu.

Các định hướng hợp tác mới có ý nghĩa thiết thực trong bối cảnh Việt Nam hiện là quốc gia ASEAN duy nhất đã ký Hiệp định Thương mại tự do với EAEU. Việc thúc đẩy kết nối giữa ASEAN và EAEU, tăng cường hợp tác về logistics, thương mại và đầu tư được kỳ vọng sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn để doanh nghiệp Việt Nam mở rộng hoạt động tại thị trường Nga và khu vực Á - Âu, đồng thời đa dạng hóa thị trường và chuỗi cung ứng trong bối cảnh thương mại quốc tế tiếp tục biến động.



CÁC SỰ KIỆN HỘI NHẬP NỘI BẬT DỰ KIẾN TRONG THÁNG 7/2026

1 Việt Nam và EFTA kết thúc đàm phán FTA sau gần 14 năm

Ngày 02/7/2026, Việt Nam và Hiệp hội Thương mại Tự do châu Âu (EFTA, gồm 4 nước thành viên là Thụy Sĩ, Na Uy, Iceland và Liechtenstein) đã ra Tuyên bố chung về việc chính thức kết thúc đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – EFTA. Được khởi động từ tháng 7/2012, đây là một trong những thỏa thuận có thời gian đàm phán kéo dài nhất từ trước tới nay của Việt Nam. Với kết quả này, Việt Nam trở thành quốc gia ASEAN thứ sáu hoàn tất đàm phán FTA với EFTA, sau Singapore, Philippines, Indonesia, Malaysia và Thái Lan.

Văn kiện Hiệp định có tổng cộng 14 Chương, bao hàm toàn diện các chủ đề từ thương mại hàng hóa, dịch vụ, quy tắc xuất xứ, các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật (SPS), hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT), cho tới phòng vệ thương mại, tạo thuận lợi thương mại, đầu tư, sở hữu trí tuệ, mua sắm chính phủ, cạnh tranh, phát triển bền vững, hợp tác, doanh nghiệp nhỏ và vừa. Với những nội dung này, Hiệp định là thỏa thuận thương mại tự do thế hệ mới tiếp theo của Việt Nam, sau CPTPP, EVFTA, UKVFTA.





Về thuế quan, hai Bên đã dành cho nhau nhiều cam kết mở cửa thị trường đáng chú ý. Trong đó, nổi bật là việc khối EFTA cam kết xóa bỏ toàn bộ thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực đối với hàng công nghiệp, cá và các sản phẩm thủy sản khác của Việt Nam. Ở chiều ngược lại, Việt Nam cũng cam kết xóa bỏ thuế với phần lớn hàng công nghiệp và hải sản từ khối EFTA theo lộ trình tối đa 11 năm.

Theo Bộ Công Thương, năm 2025 kim ngạch hai chiều giữa Việt Nam và Khối EFTA đạt 4,8 tỷ EUR, trong đó Việt Nam xuất siêu 2,5 tỷ EUR, tăng mạnh so với mức 0,5 tỷ EUR của mười năm trước đó. Cơ cấu hàng hóa giữa hai bên có tính bổ trợ cao; trong khi Việt Nam ghi nhận những mặt hàng thế mạnh khi xuất khẩu sang thị trường EFTA ở các ngành giày dép, may mặc và máy móc thiết bị điện với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm trên 10%,

thì các nước EFTA lại có ưu thế ở các lĩnh vực dược phẩm, thủy sản và thiết bị cơ khí khi xuất sang Việt Nam. Việc chính thức kết thúc đàm phán Hiệp định với các cam kết xóa bỏ thuế quan sâu rộng được kỳ vọng sẽ là "cú hích" mạnh mẽ cho hoạt động xuất nhập khẩu giữa hai Bên.

Trong thời gian chờ hai Bên rà soát pháp lý, ký kết và phê chuẩn Hiệp định, doanh nghiệp Việt Nam nên chủ động chuẩn bị từ sớm để sẵn sàng tận dụng các cơ hội mà Hiệp định này mang lại. Trước mắt, doanh nghiệp có thể tham khảo phạm vi cam kết thông qua tài liệu tóm tắt từng chương của Hiệp định do phía EFTA công bố (đã được VCCI đăng tải), đồng thời theo dõi các thông tin chính thức tiếp theo để kịp thời xây dựng chiến lược thị trường và chuẩn bị các điều kiện cần thiết nhằm tận dụng hiệu quả các cơ hội xuất khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực.

Doanh nghiệp có thể theo dõi Chuyên mục về FTA Việt Nam - EFTA trên Cổng thông tin WTO-FTA của VCCI để cập nhật các thông tin mới nhất từ Hiệp định, theo link sau:

<https://trungtamwto.vn/fta/198-viet-nam---efta/1>

(hoặc truy cập www.trungtamwto.vn > FTA > Chưa ký kết > Việt Nam - EFTA)



Từ ngày 01/7/2026, Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản quốc gia - nền tảng số về truy xuất nguồn gốc trong lĩnh vực nông nghiệp - đã chính thức được đưa vào vận hành, sau 6 tháng thí điểm với quả sầu riêng xuất khẩu theo Quyết định số 5272/QĐ-BNNMT ngày 13/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Việc vận hành Hệ thống này được xem là bước đi quan trọng trong tiến trình chuyển đổi số quốc gia, góp phần minh bạch hóa toàn bộ chuỗi sản xuất, truy xuất được nguồn gốc xuất xứ nông sản, từ đó nâng cao uy tín và giá trị nông sản Việt Nam.

Tính đến ngày 30/6/2026, Hệ thống đã tích hợp dữ liệu của hơn 18.500 sản phẩm thuộc 181 nhóm sản phẩm từ 170 doanh nghiệp tại 24/34 tỉnh, thành phố. Riêng đối với sầu riêng, 16 doanh nghiệp đã tham gia chương trình thí điểm và bước đầu có 6 container được xuất khẩu sang Trung Quốc thông qua Hệ thống này. Việc đưa Hệ thống vào vận hành cũng gắn với quá trình mở rộng mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói. Đến tháng 5/2026, cả nước đã có 9.546 mã số vùng trồng và 1.525 mã số cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu, trong đó riêng thị trường Trung Quốc đã phê duyệt 4.323 mã số vùng trồng và 1.332 mã số cơ sở đóng gói.

Theo lộ trình dự kiến, từ tháng 7/2026 Hệ thống sẽ mở rộng phạm vi truy xuất chính thức sang các nông sản chủ lực khác như lúa gạo, thịt, trứng, sữa, dứa, chanh leo và chè, hướng tới một hệ thống truy xuất nguồn gốc thống nhất trên cả nước. Trong bối cảnh các thị trường nhập khẩu lớn như Trung Quốc, EU, Hoa Kỳ... ngày càng siết chặt yêu cầu về truy xuất nguồn gốc và minh bạch chuỗi cung ứng, việc đưa vào vận hành một nền tảng thống nhất cấp quốc gia để truy xuất nguồn gốc nông sản được kỳ vọng sẽ giúp chuẩn hóa dữ liệu giữa các địa phương và nâng khả năng kết nối với hệ thống quản lý của các thị trường xuất khẩu này.

Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và người sản xuất, truy xuất nguồn gốc không còn là lựa chọn tự nguyện nữa mà đang trở thành điều kiện quan trọng để tham gia vào các chuỗi cung ứng nông sản xuất khẩu. Thách thức lớn nhất có thể không nằm ở công nghệ mà ở việc chủ động thay đổi phương thức quản lý từ sản xuất phân tán sang quản trị dựa trên dữ liệu. Tuy nhiên, việc chuẩn hóa sớm dữ liệu sẽ giúp các doanh nghiệp giảm bớt rủi ro và nâng cao năng lực cạnh tranh của nông sản Việt Nam trên thị trường quốc tế trong dài hạn.



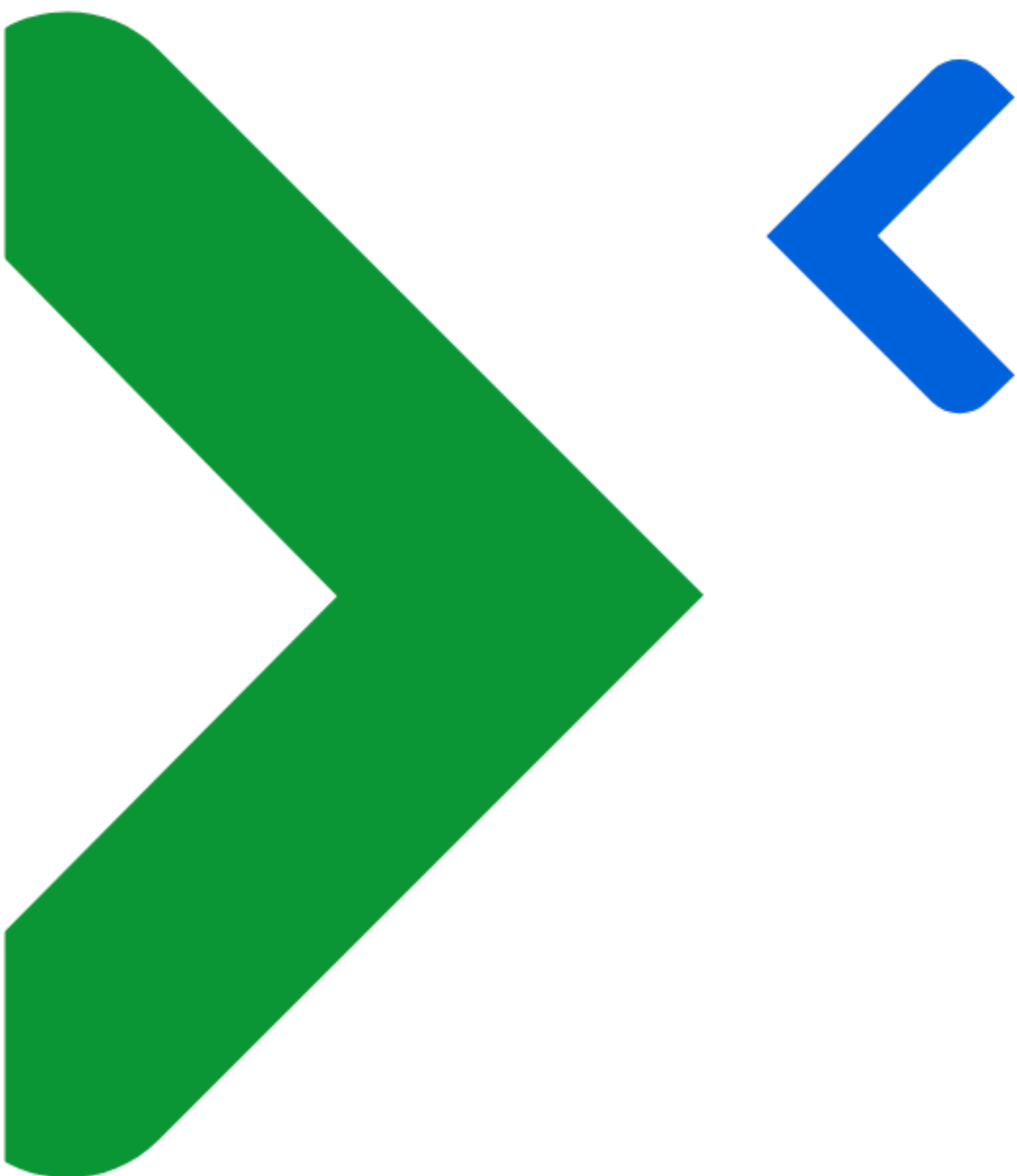
Ngày 01/7/2026, thỏa thuận thuế quan giữa Liên minh châu Âu (EU) và Hoa Kỳ chính thức có hiệu lực, khép lại gần một năm giằng co để đưa một trong những quan hệ thương mại lớn nhất thế giới trở lại trạng thái ổn định sau động thái áp đặt thuế đối ứng của Hoa Kỳ và các tranh cãi, đe dọa trừng phạt qua lại giữa hai Bên. Thỏa thuận này chi tiết hóa các định hướng lớn đã được Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump và Chủ tịch Ủy ban châu Âu Ursula von der Leyen nhất trí hồi tháng 7/2025, sau đó là Tuyên bố chung ngày 21/8/2025.

Theo thỏa thuận, Hoa Kỳ sẽ áp dụng mức thuế 15% đối với phần lớn hàng hóa nhập khẩu từ EU, bao gồm cả mặt hàng ô tô từng bị áp thuế riêng lên tới 27,5%, trong khi EU cam kết xóa bỏ thuế quan đối với toàn bộ hàng công nghiệp và mở hạn ngạch thuế quan ưu đãi cho một số mặt hàng nông thủy sản của Hoa Kỳ. Bên cạnh đó, EU cũng cam kết tăng cường nhập khẩu năng lượng từ Hoa Kỳ với tổng giá trị dự kiến lên tới 750 tỷ USD và khuyến khích khoảng 600 tỷ USD đầu tư của doanh nghiệp châu Âu vào Hoa Kỳ đến năm 2028.

Nhằm bảo đảm việc thực thi nghiêm túc các cam kết, phía EU đã bổ sung một số cơ chế phòng vệ vào thỏa thuận. Cụ thể, EU giữ quyền đình chỉ một phần hoặc toàn bộ thỏa thuận nếu Hoa Kỳ không tuân thủ cam kết đã thống nhất hoặc áp dụng các biện pháp gây gián đoạn thương mại. Theo Chủ tịch Ủy ban Thương mại Quốc tế của Nghị viện châu Âu Bernd Lange, thỏa thuận chưa phải phương án lý tưởng nhưng đã được cải thiện đáng kể, và Nghị viện châu Âu sẽ tiếp tục giám sát chặt việc thực thi thỏa thuận này trong bối cảnh Hoa Kỳ vẫn song song đề xuất áp thuế bổ sung với EU trong cuộc điều tra Mục 301 về lao động cưỡng bức.

Nhìn tổng thể, thỏa thuận này đã giúp ổn định hóa quan hệ thương mại giữa Hoa Kỳ và EU, tuy nhiên mức thuế 15% đối với EU vẫn cao hơn đáng kể so với mặt bằng thuế quan trước đây. Điều này cho thấy sự ổn định hiện tại được thiết lập trên nền tảng bảo hộ cao hơn, khẳng định xu hướng "thuế quan có quản lý" - đánh đổi việc mở cửa thị trường lấy cam kết mua hàng và đầu tư từ đối tác trong chính sách thương mại của Hoa Kỳ.





PHÒNG WTO VÀ HỘI NHẬP, BAN PHÁP CHẾ
LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM (VCCI)

Số 9 Đào Duy Anh, Kim Liên, Hà Nội

Tel: +84-24-35771458/ +84-24-32216234

Email: banthuky@trungtamwto.vn

Website: www.trungtamwto.vn / www.chongbanphagia.vn / www.aecvcci.vn